

Số: 2333/QĐ-UBND

An Giang, ngày 18 tháng 8 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Hợp đồng mẫu liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản  
trên địa bàn tỉnh An Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng Cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 1470/TTr-SCT ngày 03/8/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là “Hợp đồng mẫu liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh An Giang”.

**Điều 2.** Giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp cùng với các cơ quan liên quan tổ chức phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện “Hợp đồng mẫu liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh An Giang”. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng: KTN, KTTH, TH, HCTC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Quang Thi**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN**

Số:...../20...../HĐSXTT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành;

Căn cứ biên bản cử đại diện nhóm hộ nông dân ngày.....tháng.....năm.....  
tại.....;

Hôm nay, ngày.....tháng năm.....tại....., chúng tôi gồm:

**BÊN A: DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN**

Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Di động:.....

Tài khoản số: .....Mở tại ngân hàng:.....

Mã số thuế doanh nghiệp: .....

Đại diện bởi ông (bà):.....Chức vụ:.....

(Giấy ủy quyền số:....., viết ngày.....tháng.....năm bởi ông  
(bà):.....Chức vụ:.....ký (nếu có)).

**BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN**

Đại diện cho.....nông dân có tên trong danh sách kèm theo hợp đồng này.

Do ông (bà) :.....Chức vụ:..... làm đại diện.

CMND số:.....ngày cấp.....nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax:..... Di động: .....

Tài khoản số:.....Mở tại ngân hàng:.....

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trong thời hạn.....năm (vụ), với các nội dung sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng**

Bên A cam kết đầu tư và tiêu thụ sản phẩm do bên B sản xuất. Bên B cam kết sản xuất và bán sản phẩm cho bên A trong thời gian sản xuất: từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....

- Loại giống:.....

- Diện tích sản xuất:.....

- Sản lượng dự kiến:.....
- Địa điểm thực hiện tại:.....

## **Điều 2. Trách nhiệm của hai bên**

### **1. Trách nhiệm của bên A**

Bên A cung cấp (bán ghi nợ/ứng trước) giống và vật tư nông nghiệp để bên B sản xuất, cụ thể như sau:

<b>Stt</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Số lượng (tấn)</b>	<b>Đơn giá (đồng/tấn)</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>
1	Lúa giống			
2	Phân bón			
3	Thuốc trừ sâu			
....	.....			
<b>Tổng cộng</b>				

Trong trường hợp, nếu bên B tự mua giống và vật tư nông nghiệp, phải là loại đạt tiêu chuẩn, chất lượng, được sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền và phải thông báo cho bên A biết.

### **2. Trách nhiệm của bên B**

- Bên B cam kết bán sản phẩm cho bên A.
- Số lượng sản phẩm tạm tính: **(1)**.....kg.

*((1) Sản lượng sản phẩm được hai bên xác định cụ thể tùy vào năng suất và sản lượng tại thời điểm thu hoạch)*

- Quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm *(do hai bên đã thoả thuận)*:

- + Độ ẩm:.....
- + Tạp chất:.....
- + Dư lượng hoá chất tối đa trong sản phẩm:.....
- +.....

## **Điều 3. Giá cả, phương thức thanh toán**

### **1. Sản phẩm do bên A cung cấp cho bên B**

- Giá cả:.....
- Phương thức thanh toán:.....
- Thời hạn thanh toán và địa điểm giao nhận hàng:.....

### **2. Sản phẩm hàng hoá do bên B bán cho bên A**

- Giá cả và cách xác định giá:.....**(2)**.....

*((2) Áp dụng giá sàn, giá cố định hoặc giá thị trường tại thời điểm thu mua, hoặc thỏa thuận khác giữa hai bên. Nêu rõ phương thức tính giá, cách xác định giá thu mua)*

- Trước ngày thu hoạch 5-7 ngày, hai bên xác định giá thu mua (*chốt giá*). Đến ngày thu hoạch nếu giá tăng hay giảm so với giá thu mua đã xác định thì hai bên chia sẻ phần chênh lệch giá theo tỷ lệ....% (ví dụ 50%-50%).

- Phương thức và thời điểm thanh toán: Bên A thanh toán tiền mua sản phẩm cho bên B bằng tiền mặt sau khi trừ đi các khoản tiền vật tư nông nghiệp do bên B ứng trước cho bên A để sản xuất (nếu có) vào ngày.....tháng.....năm....., tại.....(3)

*((3) Cách xác định ngày, do hai bên thỏa thuận, nếu áp dụng hình thức thanh toán khác phải nêu rõ)*

- Thời gian và địa điểm giao nhận hàng: Bên B giao hàng cho bên A vào ngày.....tháng.....năm....., tại.....

**3.** Hai bên giao và nhận giống, vật tư nông nghiệp, sản phẩm hàng hoá phải lập biên bản giao, nhận, xác nhận rõ số lượng, đơn giá, thành tiền, có chữ ký, họ tên của người giao và người nhận của hai bên. Mỗi bên giữ 01 (một) bản.

#### **Điều 4. Thời gian, địa điểm thu mua**

Căn cứ vào thời điểm thu hoạch, bên A thông báo thời gian, địa điểm thu mua sản phẩm cho bên B trước khi thu hoạch ít nhất.....ngày.

#### **Điều 5. Chi phí vận chuyển và bốc xếp**

- Chi phí vận chuyển, bốc xếp giống và vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất do bên .....chịu.

- Chi phí vận chuyển và bốc xếp sản phẩm hàng thu mua do bên.....chịu.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên A**

- Trong trường hợp, ngoài các giống và vật tư nông nghiệp do bên A cung cấp cho bên B theo quy định tại Điều 1, nếu bên B có nhu cầu, bên A sẽ giới thiệu các doanh nghiệp khác cung cấp về giống và vật tư nông nghiệp cho bên B.

- Đảm bảo cung cấp giống, vật tư nông nghiệp đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và thời hạn đã cam kết.

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo quy cách, tiêu chuẩn và số lượng thực tế như đã cam kết ban đầu.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua theo thời gian, địa điểm thu hoạch theo thỏa thuận giữa các bên.

- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra hướng dẫn cho bên B/các hộ dân trực tiếp canh tác.

- Cung cấp bao bì đựng.....cho bên B *(nếu có yêu cầu)* sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.
- Kiểm tra quy cách, tiêu chuẩn hàng hoá thu mua.
- Thanh toán đầy đủ và kịp thời tiền mua hàng hoá cho bên B.

### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của bên B.**

- Phải tuân thủ các quy trình canh tác theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật của bên A và những trường hợp khuyến cáo của ngành nông nghiệp.
- Sử dụng giống và vật tư nông nghiệp (phân bón thuốc bảo vệ thực vật) theo yêu cầu của bên A *(nếu có)*.
- Cung cấp cho bên A các thông tin về quy trình canh tác, sử dụng giống và các loại thuốc bảo vệ thực vật, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng.
- Lập danh sách các hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn *(có biên bản làm việc hoặc hợp đồng)*.
- Bán sản phẩm hàng hóa cho bên A đúng theo quy cách, tiêu chuẩn và số lượng thực tế như đã cam kết ban đầu.
- Phối hợp với bên A tổ chức các biện pháp thu mua theo thời gian, địa điểm thu hoạch theo sự thỏa thuận giữa các bên.
- Nhận tiền bán sản phẩm hàng hoá của bên A trả sau khi trừ đi các khoản giống và vật tư nông nghiệp do bên A ứng trước *(nếu có)*.

### **Điều 8. Xử lý vi phạm hợp đồng**

- Nếu bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo các điều khoản đã ghi trong hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bên A phải bồi thường tất cả các chi phí ban đầu do bên B đầu tư sản xuất và các chi phí khác có liên quan. **(4)**
- Nếu bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo các điều khoản đã ghi trong hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bên B phải bồi thường tất cả các chi phí ban đầu do bên A đầu tư sản xuất và các chi phí khác có liên quan. **(4)**

*((4) Chi phí bồi thường do hai bên xác định và thỏa thuận thống nhất).*

### **Điều 9. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Điều kiện thỏa thuận khác**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên B hoàn thành tốt các nội dung đã ký kết trong hợp đồng, bên A sẽ thực hiện việc khen thưởng hoặc trích tỷ lệ phần trăm (%) hoa hồng cho bên B theo sự thỏa thuận giữa hai bên (nếu có).

## **Điều 11. Điều khoản chung**

1. Sau khi đã đọc hợp đồng, hai bên đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng, công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này và cùng ký tên vào hợp đồng này.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm được hai bên ký tên.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung (nếu có) liên quan đến hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi được sự thỏa thuận của các bên và lập thành biên bản có chữ ký của các bên xác nhận.

Hợp đồng này được làm thành .....bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ .....bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN (B)**

**(Chữ ký/điểm chỉ**

**và ghi rõ họ tên)**

.....

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA (A)**

**(Ký tên và đóng dấu)**

.....

## Lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch

Ngày ..... tháng ..... năm ..... (Bằng chữ .....). Tại ..... (4). Tôi (5) .....  
là (6) .....

Chứng thực

- Hợp đồng ..... (7) được giao kết giữa:

Bên A: Ông/bà: .....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (3) số.....

Bên B: Ông/bà:.....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (3) số.....

- Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch đã cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng, giao dịch.

- Tại thời điểm chứng thực, các bên tham gia hợp đồng, giao dịch minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và đã ký/điểm chỉ (8) vào hợp đồng, giao dịch này trước mặt tôi.

Hợp đồng này được lập thành.....bản chính (mỗi bản chính gồm.....tờ, .....trang), cấp cho:

+ .....bản chính;

+ .....bản chính;

Lưu tại UBND xã, phường, thị trấn 01 (một) bản chính.

Số chứng thực..... quyền số.....(1) - SCT/HĐ,GD

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (2)

### Chú thích:

- (1) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực (ví dụ: 01/2015).
- (2) Nếu thực hiện tại UBND cấp xã thì Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND ký, đóng dấu UBND cấp xã.
- (3) Nếu là Giấy chứng minh nhân dân thì gạch ngang Hộ chiếu, nếu là Hộ chiếu thì gạch ngang cụm từ Giấy chứng minh nhân dân.
- (4) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực (ví dụ: UBND xã A, huyện B); chỉ cần ghi giờ, phút trong trường hợp chứng thực ngoài trụ sở.
- (5) Ghi rõ họ và tên của Người thực hiện chứng thực.
- (6) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan thực hiện chứng thực (ví dụ: Chủ tịch UBND xã A, huyện B, tỉnh C).
- (7) Ghi rõ tên của hợp đồng, giao dịch được chứng thực.
- (8) Nếu ký thì gạch ngang cụm từ “điểm chỉ”, nếu điểm chỉ thì gạch ngang từ “ký”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, THANH LÝ**  
**HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN**

Số: ...../20...../BBNTHĐSXTT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

- Căn cứ Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ.....số  
/...../20...../HĐSXTT ký ngày ...../...../20.....giữa.....(doanh nghiệp/tổ chức đại  
diện của nông dân).....và.....(tổ chức đại diện của nông dân/nông dân).....;

- .....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 20...tại ....., chúng tôi gồm:

**BÊN A: DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN**

Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....

Điện thoại:.....Fax: ..... Di động:.....

Tài khoản số:.....Mở tại ngân hàng:.....

Mã số thuế doanh nghiệp:.....

Đại diện bởi ông (bà):..... Chức vụ:.....

(Giấy uỷ quyền số:....., viết ngày .....tháng.....năm bởi ông  
(bà):.....Chức vụ:.....ký (nếu có))

**BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN**

Đại diện cho.....nông dân có tên trong danh sách kèm theo biên bản này.

Do ông (bà) :..... Chức vụ:..... làm đại diện.

CMND số:.....ngày cấp.....nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Di động: .....

Tài khoản số.....Mở tại ngân hàng:.....

Hai bên thống nhất ký Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng liên kết  
sản xuất và tiêu thụ ..... số...../...../20...../HĐSXTT ký ngày ...../...../20...  
với nội dung sau:

**Điều 1. Kết quả thực hiện hợp đồng**

Hai bên đã thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của hợp đồng, cụ  
thể như sau:



1. Trong vụ (năm)..... Bên A đã cung cấp cho Bên B:

- Giống:.....
- Phân bón:.....
- Thuốc BVTV:.....
- Tổng giá trị (thành tiền):.....

2. Trong vụ (năm)..... Bên B sản xuất và bán cho bên A (đồng ý mua):

- Lúa.....(loại giống):.....
- Phân bón:.....
- Diện tích sản xuất:.....ha
- Sản lượng:.....tấn
- Tổng giá trị (thành tiền):.....

3. Bên A đã thanh toán cho bên B (sau khi đã trừ số nợ.....đồng), (trong trường hợp Bên A có bán ghi nợ cho Bên B):

Tổng số tiền:....., trong đó:

- Tiền mặt:.....
- Chuyển khoản:.....

### **Điều 2. Xử lý sản phẩm hàng hoá không thu mua**

Số sản phẩm do Bên A không thu mua cho Bên B (hoặc do Bên B không bán cho bên A):

- Sản lượng:.....tấn.
- Lý do:.....
- Cách xử lý:.....

### **Điều 3. Điều khoản chung**

1. Hai bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng đã ký.

2. Hai bên đồng ý thanh lý hợp đồng số...../20.../HĐSXTT ký ngày ...../...../20..... Biên bản này có hiệu lực kể từ ngày ký, hai bên không còn trách nhiệm thực hiện hợp đồng này.

Biên bản được lập thành.....bản, mỗi bên giữ.....bản có giá trị như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN (B)**  
(Chữ ký/điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

.....

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA (A)**  
(Ký tên và đóng dấu)

.....

## Lời chứng chứng thực chữ ký

1) Lời chứng chứng thực chữ ký của một người trong một giấy tờ, văn bản  
Ngày ..... tháng ..... năm .....

(Bằng chữ .....) )

Tại ..... (4), ..... giờ ..... phút. Tôi (5)  
....., là (6).....

Chứng thực

Ông/bà ..... Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (3) số.....,  
cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký  
vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi.

Số chứng thực ..... quyền số ..... (1) - SCT/CK, CĐ

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (2)

2) Lời chứng chứng thực chữ ký của nhiều người trong một giấy tờ, văn  
bản

Ngày ..... tháng ..... năm .....

(Bằng chữ ..... )

Tại ..... (4), ..... giờ..... phút. Tôi  
(5)....., là (6) .....

Chứng thực

Các ông/bà có tên sau đây:

Ông/bà ..... Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (3) số.....,

Ông/bà ..... Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (3) số.....,

Ông/bà ..... Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (3) số.....,

.....  
- Các ông/bà có tên trên cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội  
dung của giấy tờ, văn bản và đã cùng ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi.

Số chứng thực..... quyền số..... (1) - SCT/CK, ĐC

Ngày ..... tháng..... năm.....

Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (2)